TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG SƠN
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST
Ngày 17/7/2020
V/v "Xin ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Ngọc Dung

2. Ông Nguyễn Văn Dư

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hoàng Sa, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2020/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 05 năm 2020 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST – HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01 ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Bảo Q, sinh năm 1998. Có mặt tại phiên tòa
Trú tại: Thôn LĐ, xã QL, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.
- Bị đơn: Anh Trương Văn V, sinh năm 1996. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.
Trú tại: Thôn TN, xã QL, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2020 và bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Bảo Q trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Bảo Q và anh Trương Văn V tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã QL, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam, theo Giấy chứng nhận đăng ký số 02 ngày 04/01/2017.

Trong quá trình chung sống hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh V không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu rồi đánh đập chị Q. Hai vợ chồng xét thấy tình cảm không còn, không thể sống chung với nhau được nữa đã sống ly thân nhau từ tháng 3/2020 đến nay. Do vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trương Văn V.

- Về con chung: Có một con chung tên Trương Gia H, sinh ngày 31/8/2016, hiện cháu Hân đang ở với chị Q. Chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết để chị Q được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con đến tuổi trưởng thành và chị Q không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có

** Tại bản tự khai đề ngày 13/5/2020, bị đơn anh Trương Văn V trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Văn V và chị Trần Bảo Q tự nguyện đăng ký kết hôn vào 04/01/2017 tại UBND xã QL, huyện Nông Sơn. Anh Vkhông đồng ý ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không có gì trầm trọng.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Gia H, sinh ngày 31/8/2016. Anh V yêu cầu Tòa án giải quyết để anh V nuôi con và anh V không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung; Trường hợp nếu Tòa án giao con cho chị Q nuôi thì anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn tham gia phiên tòa: Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không có mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa là vi phạm quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Do mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Bảo Q và chị Q được ly hôn với anh Trương Văn V. Về con chung: Đề nghị HĐXX giao cháu Trương Gia H, sinh ngày 31/8/2016 cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Trương Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Bảo Q có quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh Trương Văn V và cùng có địa chỉ tại huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam. Nay, chị Q khởi kiện xin ly hôn với anh V và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là *"Tranh chấp về ly hôn và nuôi con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Bảo Q và anh Trương Văn V tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 04/01/2017 tại UBND xã QL, huyện Nông Sơn là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị Q anh V thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh V không lo làm ăn, hay uống rượu về nhà đánh đập chị Q. Hiện nay tình cảm yêu thương vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh V. Nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án tuy anh V cho rằng mâu thuẫn xảy ra không lớn nên anh không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, anh V có mặt tại địa phương nhưng cố tình trốn tránh, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án; không tham gia các phiên hòa giải theo các Thông báo của Tòa án. Tại các phiên tòa, anh V tiếp tục vắng mặt không có lý do, còn chị Q vẫn cương quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cho đến nay hai vợ chồng không còn tình cảm với nhau và thực tế hai người không sống chung mà sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có cơ sở để căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu chị Trần Bảo Q được ly hôn với anh Trương Văn V

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Q yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Trương Gia H, sinh ngày 31/8/2016 và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Trương Gia H từ khi hai vợ chồng sống ly thân cháu H ở với mẹ, vì vậy cần giao cháu H cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp và đảm bảo sự phát triển và quyền lợi của cháu là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Trần Bảo Q không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, nhưng anh V có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Bảo Q và anh Trương Văn V khai không có nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về Án phí: Chị Q tư nguyện chịu chịu tiền án phí dân sự về ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Bảo Q về việc " *Ly hôn và nuôi con chung*".

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Bảo Q được ly hôn với anh Trương Văn V.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Gia H, sinh ngày 31/8/2016 cho chị Trần Bảo Q được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành; anh Trương Văn V không phải cấp dưỡng nuôi chung. Anh Trương Văn V được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở.

Khi cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về Án phí: Chị Trần Bảo Q tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự về ly hôn. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Q đã nộp theo biên lai thu số 0012322. ngày 06/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nông Sơn.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Nông Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nông Sơn;
- UBND xã QL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Tam